

## CÁC YẾU TỐ ẢNH HƯỞNG THU NHẬP CỦA NÔNG HỘ TRONG CÁC MÔ HÌNH SẢN XUẤT TRÊN ĐẤT LÚA TẠI TỈNH VĨNH LONG

Lê Xuân Thái<sup>1</sup>

<sup>1</sup> Viện Nghiên cứu Phát triển Đồng bằng sông Cửu Long, Trường Đại học Cần Thơ

### Thông tin chung:

Ngày nhận: 03/06/2014

Ngày chấp nhận: 31/12/2014

### Title:

*Analysing factors impact upon income of farmers practicing rice based farming systems in the Vinh Long Province*

### Từ khóa:

*Mô hình sản xuất, thu nhập, hộ gia đình*

### Keywords:

*Farming systems, income, households*

### ABSTRACT

*Study on financial analysis of households practicing rice based farming systems was undertaken in Long Ho and Binh Tan districts, Vinh Long province in 2013. Households' economic data were collected on three representative systems including 3 rice crops, 2 rice crops-one upland crop a year and intensive upland crop. Study results show that household head and farming workers' educational attainment practicing 3 rice crops and 2 rice crops-one upland crop a year is higher than those practicing upland crops. Also, cultivated land areas in 3 rice crops and 2 rice crops-one upland crop systems is larger than that in the remaining system. Net income of 3 systems such as 3 rice crops, 2 rice crops-one upland crop, and upland crops are 52,277 million VND, 56,299 million VND and 133,027 million VND per hare respectively. In comparison, intensive upland crops system has 76,6 million VND per hare higher than the 2 rice crops-one upland crop system. Other factors such as cultivated land areas, production costs, and participation in local organisations have positive impacts on households' income. In contrast, family members per household have negative impacts on households' income.*

### TÓM TẮT

*Phân tích hiệu quả tài chính của nông hộ trong ba mô hình sản xuất trên đất lúa tại tỉnh Vĩnh Long năm 2013 được thực hiện tại huyện Long Hồ và huyện Bình Tân, là vùng có các mô hình canh tác trên đất lúa khá đa dạng: lúa 3 vụ, lúa 2 vụ+ cây màu, cây màu. Kết quả phân tích cho thấy trình độ học vấn chủ hộ, trình độ học vấn lao động và diện tích đất canh tác của các nông hộ sản xuất lúa 3 vụ và lúa 2 vụ + cây màu lớn hơn nông hộ trồng cây màu. Phân tích hiệu quả tài chính ở ba mô hình cho thấy lợi nhuận/ha của nông hộ trồng lúa 3 vụ, lúa 2 vụ+ cây màu và cây màu là 52,277 triệu đồng; 56,299 triệu đồng và 133,027 triệu đồng. Nông hộ trồng cây màu có lợi nhuận cao hơn nông hộ trồng lúa 2 vụ+cây màu 76,7 triệu đồng. Các yếu tố diện tích canh tác, chi phí sản xuất, tham gia tổ chức địa phương ảnh hưởng tăng thu nhập bình quân người/hộ. Số người/hộ ảnh hưởng giảm thu nhập bình quân người/hộ.*

## 1 ĐẶT VẤN ĐỀ

Đồng bằng sông Cửu Long (ĐBSCL) là vùng trồng lúa lớn nhất Việt Nam với diện tích trồng lúa khoảng 3,8 triệu ha, hàng năm làm ra trên 20 triệu tấn lúa, đóng góp hơn 50% sản lượng lúa và trên 90% sản lượng gạo xuất khẩu của cả nước (Hiệp hội Lương thực Việt Nam, 2011). Mặc dù, sản xuất

lúa tại ĐBSCL đã đem lại sự an toàn lương thực và thu nhập ngoại tệ cho quốc gia, nhưng đời sống người dân trồng lúa gặp rất nhiều khó khăn, thu nhập của nông hộ trồng lúa rất thấp. Tỉnh Vĩnh Long là địa phương canh tác lúa lâu đời tại ĐBSCL và áp dụng nhanh các tiến bộ kỹ thuật vào sản xuất lúa nhưng thu nhập nông hộ trồng lúa vẫn không cải thiện nhiều so với nông hộ trồng cây khác.

Những năm gần đây, các nông hộ tại tỉnh Vĩnh Long liên tục chuyển đổi các loại cây trồng trên đất lúa nên đã làm xáo trộn sản xuất. Nông hộ chuyên đổi mô hình nhằm tăng thu nhập nông hộ. Tuy nhiên, chọn mô hình sản xuất phù hợp và đem lợi nhuận cao cho nông hộ là một câu hỏi cần được giải đáp.

Phân tích hiệu quả tài chính của nông hộ trong một số mô hình sản xuất trên đất lúa là cần thiết để tìm ra mô hình có hiệu quả tài chính cao và tăng thu nhập của nông hộ tại địa phương. Bài báo nghiên cứu phân tích hiệu quả tài chính của nông hộ đang canh tác trên đất sản xuất lúa tại tỉnh Vĩnh Long được thực hiện trong năm 2013 nhằm tìm ra các yếu tố đã ảnh hưởng đến hiệu quả tài chính và thu nhập của nông hộ trong các mô hình sản xuất.

**2 PHƯƠNG PHÁP NGHIÊN CỨU**

**2.1 Cơ sở lý thuyết và mô hình nghiên cứu**

*2.1.1 Cơ sở lý thuyết thiết lập mô hình nghiên cứu*

Khi nghiên cứu các yếu tố ảnh hưởng đến tăng trưởng kinh tế các nhà kinh tế học đã xác định các nhân tố đầu vào thúc đẩy tăng trưởng thu nhập bao gồm: lao động, vốn, đất đai và công nghệ. Thay đổi năng suất lao động là điều kiện để thay đổi thu nhập trong nông nghiệp (Park, 1992 trích từ Đinh Phi Hồ, 2008). Sinh kế của nông hộ bị tác động của năm yếu tố: con người, tài chính, tài sản, môi trường xã hội và điều kiện tự nhiên (Neejes, 2003), do đó khi nghiên cứu các yếu tố ảnh hưởng đến thu nhập của nông hộ cần tập trung vào ba yếu tố liên quan là con người, tài chính và tài sản của nông hộ là hướng đi cần thiết.

Mincer (1993) cho rằng con người đóng vai trò quan trọng trong quá trình phát triển kinh tế bao

gồm các kỹ năng được tạo ra bởi giáo dục và đào tạo. Con người trong nông hộ đóng vai trò rất quan trọng trong sản xuất và tăng thu nhập. Nghiên cứu của Đinh Phi Hồ (2003) cho thấy sự hiểu biết kiến thức nông nghiệp của chủ hộ có tương quan thuận với thu nhập của nông hộ. Nguyễn Quốc Nghi và *ctv.* (2011) khi nghiên cứu về thu nhập nông hộ ở nông thôn đã cho thấy trình độ học vấn của chủ hộ, kinh nghiệm sản xuất của chủ hộ là yếu tố ảnh hưởng đến thu nhập bình quân/người của nông hộ. Kết quả nghiên cứu của Bùi Quang Bình (2008), Nguyễn Quốc Nghi và *ctv.* (2011), Trương Đông Lộc và Đặng Thị Thảo (2011) cũng cho thấy rằng trình độ học vấn, kiến thức tốt về các tiến bộ kỹ thuật mới có ảnh hưởng làm tăng thu nhập của nông hộ. Lao động trong nông hộ là một nhân tố quan trọng góp phần tăng thu nhập của nông hộ thông qua việc sử dụng lao động nhà và giảm lao động thuê mướn (Nguyễn Quốc Nghi và *ctv.*, 2011; Trương Đông Lộc và Đặng Thị Thảo, 2011; Mai Văn Nam và Đinh Công Thành, 2011, Nguyễn Quốc Nghi và Bùi Văn Trinh, 2011).

Vốn tài chính cho sản xuất là yếu tố quan trọng cần thiết cho quá trình sản xuất nông nghiệp của nông hộ. Ngày nay, vốn tài chính đầu tư sản xuất được xem là yếu tố đầu vào quan trọng trong sản xuất nông nghiệp, là cơ sở để nông hộ mở rộng sản xuất. Nghiên cứu của Lê Văn Dũng và Nguyễn Quang Trường (2011) chỉ ra là nguồn vốn sản xuất đóng vai trò quan trọng trong việc giảm nghèo của nông hộ. Sự tích lũy nguồn vốn nông hộ sẽ giúp tăng tính hiệu quả tài chính của nông hộ trong sản xuất. Yếu tố vốn tài sản đất đai đã tác động lên thu nhập của nông hộ là khả năng tăng vụ hoặc thay đổi mô hình cây trồng, vật nuôi và tiếp cận vốn vay tín dụng chính thức.

**Bảng 1: Các yếu tố tác động đến thu nhập nông hộ qua các kết quả nghiên cứu**

Tác giả và loại hình đánh giá	Con người	Tài chính	Tài sản
Nguyễn Việt Anh và <i>ctv.</i> (2010) về yếu tố ảnh hưởng đến tổng thu nhập nông hộ	Học vấn chủ hộ Tuổi chủ hộ Số lao động	Lượng vốn vay Lãi suất vay Kỳ hạn vay Chi phí sản xuất	Diện tích đất
Mai Văn Nam và Đinh Công Thành (2011) về yếu tố ảnh hưởng thu nhập nông hộ	Số lao động	Vốn lưu động	Hoạt động sản xuất
Nguyễn Quốc Nghi và Bùi Văn Trinh (2011) về các yếu tố ảnh hưởng thu nhập hộ Khmer	Số nhân khẩu Học vấn lao động Tuổi lao động Tiếp cận chính sách		Hoạt động sản xuất
Nguyễn Quốc Nghi và <i>ctv.</i> (2011) về các yếu tố ảnh hưởng thu nhập nông hộ tại Vĩnh Long	Số nhân khẩu Tuổi lao động Học vấn chủ hộ Kinh nghiệm sản xuất		Hoạt động sản xuất

2.1.2 Mô hình nghiên cứu

Kế thừa kết quả nghiên cứu về các yếu tố ảnh hưởng đến thu nhập nông hộ trong sản xuất của các tác giả nghiên cứu trước (Nguyễn Việt Anh và *ctv.*, 2010; Mai Văn Nam và Đinh Công Thành, 2011; Nguyễn Quốc Nghi và *ctv.*, 2011), một mô hình kinh tế lượng xác định các yếu tố ảnh hưởng lên thu nhập bình quân người/hộ trong các mô hình sản xuất được thiết lập. Các biến độc lập được đưa vào khảo sát là: số người trong hộ, tuổi chủ hộ, số năm đến trường của chủ hộ, số năm đến trường của các lao động trong nông hộ, số ngày công lao động gia đình tham gia vào sản xuất trong một năm, diện tích canh tác của nông hộ, chi phí sản xuất, doanh thu sản xuất, lợi nhuận sản xuất trong một năm của nông hộ, nguồn thu nhập của nông hộ, tham gia tổ

chức xã hội địa phương và nhận hỗ trợ sản xuất (Bảng 2).

Mô hình kinh tế lượng đánh giá tác động của các yếu tố ảnh hưởng lên thu nhập bình quân người/hộ như sau:

$$Y = B_0 + B_1 SN + B_2 TCH + B_3 HVCH + B_4 HVLD + B_5 LDGD + B_6 DTCT + B_7 CPSX + B_8 TGDP + B_9 HTSX$$

Với Y là thu nhập bình quân người/hộ trong năm (đơn vị tính: triệu đồng)

Trong đó thu nhập bình quân người/hộ là biến phụ thuộc đo lường khả năng thu nhập từ sản xuất của nông hộ trong 1 năm với các biến độc lập bao gồm: SN, TCH, HVCH, HVLD, LDGD, DTCT, CPSX, TGDP và HTSX.

**Bảng 2: Diễn giải các biến độc lập trong mô hình**

Biến	Mã hóa tên biến	Đơn vị tính	Giải thích biến	Căn cứ chọn biến	Kỳ vọng dấu
X <sub>1</sub>	SN	người	Số người trong hộ	Mai Văn Nam, 2009; Vũ Ánh Tuyết, 2007	+/-
X <sub>2</sub>	TCH	năm	Tuổi chủ hộ	Đoàn Thị Cẩm Vân và <i>ctv.</i> , 2010	-
X <sub>3</sub>	HVCH	năm	Số năm đi học của chủ hộ	Mai Văn Nam, 2009; Nguyễn Quốc Nghi, 2010	+
X <sub>4</sub>	HVLD	năm	Số năm đi học bình quân của lao động nông hộ	Mai Văn Nam, 2009; Nguyễn Quốc Nghi, 2010	+
X <sub>5</sub>	LDGD	ngày	Số ngày lao động gia đình cho sản xuất trong một năm	Mai Văn Nam và Đinh Công Thành, 2011; Nguyễn Quốc Nghi và Bùi Văn Trinh, 2011	+
X <sub>6</sub>	DTCT	1000 m <sup>2</sup>	Diện tích đất sản xuất	Đoàn Thị Cẩm Vân và <i>ctv.</i> , 2010; Nguyễn Quốc Nghi, 2011	+
X <sub>7</sub>	CPSX	triệu đồng	Chi phí sản xuất một năm của nông hộ	Nguyễn Quốc Nghi, 2011	-
X <sub>8</sub>	TGDP	1= có 0= không	Tham gia tổ chức xã hội địa phương (giá trị là 1: chủ hộ có tham gia và giá trị 0 nếu ngược lại)	Nguyễn Quốc Nghi, 2010	+
X <sub>9</sub>	HTSX	1= có 0= không	Nhận hỗ trợ sản xuất (giá trị là 1: nông hộ có nhận hỗ trợ sản xuất và giá trị 0 nếu ngược lại)	Nguyễn Thị Ngọc Hoa và Mai Văn Nam, 2010; Trương Đông Lộc và Đặng Thị Thảo (2011)	+

2.2 Mẫu nghiên cứu

Nghiên cứu được tiến hành tại hai huyện Long Hồ và Bình Tân của tỉnh Vĩnh Long là nơi có các mô hình sản xuất đa dạng trên nền đất trồng lúa (lúa 3 vụ, lúa + cây màu, chuyên canh màu) nên có tính đại diện cho vùng đất trồng lúa của tỉnh Vĩnh Long (Ủy ban nhân dân tỉnh Vĩnh Long, 2012). Phương pháp chọn mẫu ngẫu nhiên phân tầng khi phỏng vấn nông hộ đã được sử dụng để thu thập số liệu nông hộ với các tiêu chí: mô hình sản xuất, địa bàn (huyện, xã) với số mẫu thực hiện khảo sát là

190 nông hộ (Bảng 3). Các nông hộ sản xuất theo ba mô hình: lúa 3 vụ, lúa 2 vụ + cây màu và chuyên canh màu được chọn làm đối tượng cho mục tiêu nghiên cứu của đề tài. Các nông hộ có thời gian canh tác liên tục từ 2 đến 5 năm. Thời gian thực hiện thu thập số liệu sơ cấp, phỏng vấn nông hộ từ tháng 1 năm 2013 đến tháng 5 năm 2013 tại các xã Hòa Phú (lúa 3 vụ), Tân Hạnh (lúa 2 vụ + cây màu) của huyện Long Hồ và Mỹ Thuận (lúa 3 vụ), Tân Quới, Tân Lược, Thạnh Lợi (lúa 2 vụ + cây màu và chuyên màu) của huyện Bình Tân.

**Bảng 3: Mô tả cỡ mẫu điều tra trên địa bàn tỉnh Vĩnh Long**

Mô hình	H. Long Hồ	H. Bình Tân	Tổng số quan sát	Tỷ trọng (%)
Lúa 3 vụ	51	48	99	52,1
Lúa 2 vụ + cây màu	51	10	61	32,1
Cây màu	0	30	30	15,7
Tổng số	102	88	190	

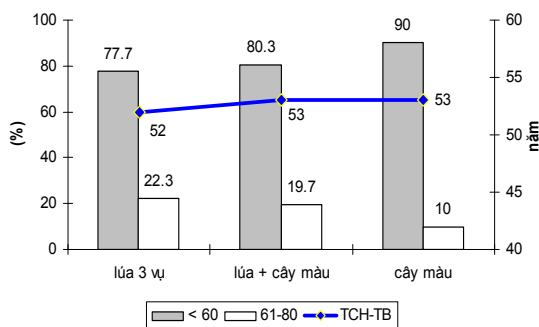
Nguồn: số liệu điều tra phỏng vấn năm 2013

### 3 KẾT QUẢ VÀ THẢO LUẬN

#### 3.1 Thực trạng sản xuất của các nông hộ

Kết quả nghiên cứu cho thấy tuổi của chủ hộ trong các mô hình thấp nhất là 30 tuổi và cao nhất là 82 tuổi; tuổi chủ hộ trung bình ở ba mô hình sản xuất tương đương nhau, từ 52-53 tuổi. Nông hộ sản xuất lúa 3 vụ, lúa 2 vụ + cây màu và trồng cây màu có tuổi chủ hộ dưới 60 tuổi chiếm 77,7%, 80,3% và 90% (Hình 1). Kết quả phân tích cho thấy các chủ hộ trẻ có xu hướng chuyển đổi mô hình sản xuất khác có hiệu quả kinh tế cao hơn là duy trì mô hình lúa 3 vụ do số thành viên trong nông hộ ít (Bảng 4).

Phân tích diện tích sản xuất của nông hộ cho thấy nông hộ sản xuất lúa 3 vụ có diện tích khá cao (1,03 ha) cao hơn bình quân chung tại Đồng bằng sông Cửu Long (0,7 ha). Nông hộ sản xuất lúa 3 vụ có diện tích lớn hơn 1 ha chiếm tỷ lệ khá cao (39,4%). Các nông hộ sản xuất lúa 2 vụ + cây màu và trồng màu có diện tích nhỏ (0,66 ha và 0,32 ha).



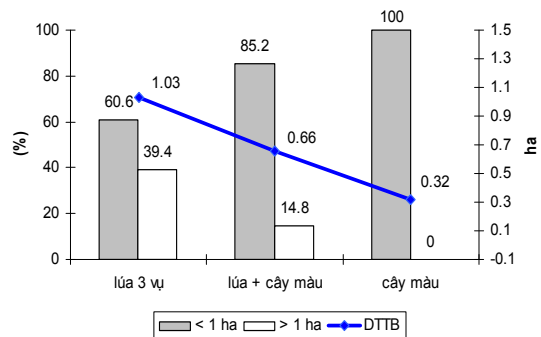
**Hình 1: Tuổi chủ hộ ở các mô hình sản xuất**

TCH-TB: Tuổi chủ hộ trung bình

Các nông hộ sản xuất lúa 2 vụ + cây màu có diện tích lớn hơn 1 ha có tỷ lệ rất thấp (14,8%). Diện tích sản xuất nhỏ là yếu tố ảnh hưởng đến nông hộ chuyển đổi mô hình sản xuất (Hình 2).

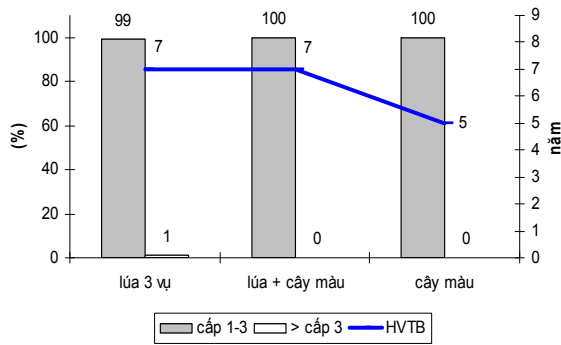
Kết quả phân tích học vấn của chủ hộ cho thấy: các chủ hộ mô hình trồng lúa 3 vụ và lúa 2 vụ + cây màu đi học đến lớp 7; chủ hộ mô hình trồng màu đi học đến lớp 5. Trình độ học vấn trung bình của lao động nông hộ cho thấy xu hướng đầu tư giáo dục của chủ hộ. Lao động ở nông hộ trồng lúa 3 vụ và lúa 2 vụ + cây màu đi học đến lớp 9 và lớp 8; lao động ở nông hộ trồng cây màu đi học đến lớp 7. Nông hộ trồng lúa 3 vụ có tỷ lệ lao động học trên lớp 12 khá cao (Hình 3 và 4).

Kết quả khảo sát cho thấy kinh nghiệm sản xuất của chủ hộ và số nhân khẩu trong hộ ở ba mô hình tương đương nhau. Tuy nhiên, các nông hộ trồng lúa có nhiều cơ hội được tập huấn kỹ thuật nông nghiệp hơn các hộ trồng màu và chủ hộ có tỷ lệ tham gia các tổ chức xã hội địa phương cao hơn mô hình trồng cây màu (Bảng 4).



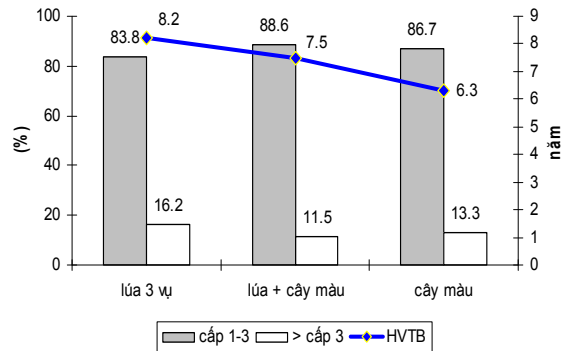
**Hình 2: Diện tích canh tác của nông hộ**

DTTB: Diện tích trung bình



**Hình 3: Học vấn của chủ hộ**

HVTB: Học vấn trung bình



**Hình 4: Học vấn của lao động nông hộ**

HVTB: Học vấn trung bình

**Bảng 4: Một số chỉ tiêu liên hệ thực trạng sản xuất của nông hộ**

Chỉ tiêu	Lúa 3 vụ	Lúa 2 vụ + 1 vụ màu	Cây Màu	Trung bình
Tuổi trung bình của chủ hộ	52	53	53	53
Diện tích canh tác (ha)	1,03	0,66	0,32	0,80
Học vấn chủ hộ (năm)	7	7	5	6
Học vấn lao động (năm)	8,2	7,5	6,3	7,7
Kinh nghiệm sản xuất chủ hộ (năm)	28	28	26	28
Số người trong hộ	5	5	4	5
Tham gia tập huấn NN (%)	70,7	63,9	26,7	61,6
Tham gia tổ chức XHDP (%)	29,3	24,6	20,0	26,3

Chú thích: NN: Nông nghiệp; XHDP: tổ chức xã hội tại địa phương

### 3.2 Các yếu tố ảnh hưởng đến hiệu quả tài chính của nông hộ trong các mô hình sản xuất

Hiệu quả tài chính là yếu tố quan trọng mà nông hộ căn cứ vào để quyết định duy trì mô hình sản xuất hiện tại hoặc chuyển đổi mô hình sản xuất trên đất lúa. Kết quả phân tích tại Bảng 5 cho thấy nông hộ trồng cây màu có doanh thu, chi phí sản xuất và lợi nhuận cao hơn các nông hộ trồng lúa 3 vụ và lúa 2 vụ + cây màu. Tuy nhiên, kết quả phân tích đã không tìm thấy sự khác biệt về các chỉ số tài chính giữa các nông hộ trong ba mô hình. Tỷ số lợi nhuận/chi phí nông hộ trồng màu cao hơn nông hộ trồng lúa 3 vụ và lúa 2 vụ+cây màu là 0,24 và 0,25 lần. Phân tích tỷ số lợi nhuận/tài sản sản xuất của mô hình cho thấy tỷ số lợi nhuận/tài sản sản xuất của nông hộ trồng lúa 3 vụ, 2 vụ lúa+cây màu và trồng cây màu là 0,091 lần, 0,095 lần và 0,173 lần. Nông hộ trồng cây màu có tỷ số lợi nhuận/tài sản sản xuất cao hơn các nông hộ trồng lúa 3 vụ và trồng lúa 2 vụ +cây màu là 0,082 lần và 0,078 lần. Khả năng tạo lợi nhuận và thu hồi vốn đầu tư của nông hộ trồng cây màu tốt hơn các nông hộ ở hai mô hình còn lại. Chi phí đầu tư sản xuất của nông

hộ mô hình trồng cây màu cao hơn nông hộ trồng lúa 3 vụ (2,6 lần) và nông hộ trồng lúa 2 vụ+ cây màu (2,4 lần). Xem xét giá trị tuyệt đối cho thấy lợi nhuận nông hộ mô hình trồng cây màu cao hơn nông hộ ở hai mô hình còn lại; nhưng phân tích về tỷ số lợi nhuận/doanh thu, tỷ số lợi nhuận/chi phí thì không có sự khác biệt giữa các nông hộ ở cả ba mô hình.

Kết quả phân tích lợi nhuận tăng thêm tại Bảng 6 cho thấy khi các nông hộ chuyển đổi từ sản xuất lúa 3 vụ sang trồng lúa 2 vụ + cây màu có tỷ suất lợi nhuận tăng thêm cao hơn chuyển trồng cây màu. Khi xét về lợi nhuận tăng thêm cho thấy nông hộ trồng cây màu có lợi nhuận cao hơn nông hộ trồng lúa 2 vụ + cây màu 76,7 triệu đồng. Đây là yếu tố quan trọng kích thích nông hộ thay đổi từ trồng lúa 3 vụ chuyển sang trồng cây màu. Tuy nhiên, các nông hộ ở mô hình trồng lúa 3 vụ, lúa 2 vụ + cây màu phải sử dụng nhiều vốn hơn để chuyển đổi qua mô hình trồng cây màu. Đây là rào cản tài chính đã hạn chế những nông hộ nghèo tăng thu nhập thông qua thay đổi mô hình sản xuất.

**Bảng 5: So sánh hiệu quả tài chính của ba mô hình sản xuất tại Vĩnh Long**

đơn vị tính: triệu đồng

Chỉ tiêu	Lúa 3 vụ	Lúa 2 vụ + 1 vụ màu	Cây Màu	Giá trị F
Tổng chi phí sản /năm	40,208 <sup>a</sup>	43,180 <sup>a</sup>	104,156 <sup>b</sup>	114,37 <sup>***</sup>
Doanh thu/năm	92,485 <sup>a</sup>	99,510 <sup>a</sup>	237,183 <sup>b</sup>	130,75 <sup>***</sup>
Lợi nhuận/năm	52,277 <sup>a</sup>	56,299 <sup>a</sup>	133,027 <sup>b</sup>	51,66 <sup>***</sup>
Lợi nhuận/doanh thu	0,559	0,558	0,507	1,73 <sup>ns</sup>
Doanh thu/ Chi phí	2,367	2,363	2,607	1,73 <sup>ns</sup>
Lợi nhuận/Chi phí	1,367	1,362	1,607	1,73 <sup>ns</sup>
Tỷ số lợi nhuận/tài sản sản xuất của mô hình	0,091 <sup>a</sup>	0,095 <sup>a</sup>	0,173 <sup>b</sup>	10,96 <sup>***</sup>

Trên cùng một hàng những số có theo sau cùng chữ số thì không khác biệt qua phép thử Duncan ở mức ý nghĩa 5%

**Bảng 6: Chi phí đầu tư sản xuất và lợi nhuận của nông hộ trong 3 mô hình**

đơn vị tính: triệu đồng/ha

Chỉ tiêu	Lúa 3 vụ (1)	Lúa 2 vụ+màu (2)	Cây Màu (3)
Tổng chi phí	40,208	43,180	104,156
Doanh thu	92,485	99,510	237,183
Lợi nhuận	52,277	56,299	133,027
<b>So sánh mô hình lúa 2 vụ + màu, cây màu với lúa 3 vụ</b>			
Chi phí đầu tư tăng thêm		+ 2,972	+ 63,948
Lợi nhuận tăng thêm		+ 4,022	+ 80,750
Tỷ số lợi nhuận/chi phí tăng thêm (%)		135,3	126,3
<b>So sánh mô hình cây màu với lúa 2 vụ+màu</b>			
Chi phí đầu tư tăng thêm			+ 60,976
Lợi nhuận tăng thêm			+ 76,728
Tỷ số lợi nhuận/chi phí tăng thêm (%)			125,8

Nguồn: Phân tích số liệu nông hộ điều tra tại Vĩnh Long năm 2013

### 3.3 Các yếu tố ảnh hưởng đến thu nhập bình quân/người của nông hộ

Kết quả phân tích hồi quy các yếu tố ảnh hưởng đến thu nhập bình quân/người của nông hộ tại Bảng 7 cho thấy thu nhập của nông hộ trồng lúa 3 vụ chịu ảnh hưởng của các yếu tố số người trong hộ, diện tích canh tác, chi phí sản xuất và tham gia tổ chức xã hội địa phương; thu nhập bình quân/người nông hộ canh tác lúa 2 vụ + cây màu và trồng màu chỉ chịu ảnh hưởng của yếu tố diện tích canh tác. Trong bảng này, mô hình lúa 3 vụ cho thấy hệ số biến số người/hộ có giá trị âm ở mức ý nghĩa 1%, có nghĩa là nếu số người/hộ của nông hộ trồng lúa 3 vụ tăng sẽ làm giảm thu nhập bình quân/ người của nông hộ. Kết quả nghiên cứu này cũng phù hợp với nghiên cứu trước của Nguyễn Quốc Nghi và ctv. (2011). Những gia đình có đông nhân khẩu thường là những gia đình có 3 thế hệ chung sống, có 3-4 người phụ thuộc bao gồm những người già và những người trong độ tuổi đi học.

Hệ số biến số diện tích canh tác có giá trị

dương ở mức ý nghĩa 1%, cho thấy nếu nông hộ trồng lúa 3 vụ có diện tích sản xuất càng lớn thì thu nhập bình quân/người của nông hộ sẽ tăng. Gia tăng diện tích sản xuất - một yếu tố đầu vào của sản xuất sẽ gia tăng thu nhập nông hộ. Hệ số biến chi phí sản xuất có giá trị dương ở mức ý nghĩa 1%, cho thấy là gia tăng vốn đầu tư cho sản xuất để thúc đẩy việc tăng năng suất sẽ giúp gia tăng thu nhập bình quân/người của nông hộ trồng lúa 3 vụ.

Ngoài ra, một yếu tố xã hội là tham gia tổ chức địa phương có tính hỗ trợ cho việc tăng thu nhập nông hộ trồng lúa 3 vụ. Hệ số biến tham gia TCDP có giá trị dương ở mức ý nghĩa 1%, có nghĩa là sự tham gia TCDP có ảnh hưởng rất lớn đến tăng thu nhập bình quân người/hộ. Thu nhập bình quân/người của nông hộ có tham gia TCDP ở mô hình trồng lúa 3 vụ tăng 7,483 triệu đồng so với nông hộ không tham gia. Thông qua các tổ chức Hội Nông dân, Mặt trận Tổ quốc, Hội Cựu chiến binh... chủ hộ tham gia TCDP thường xuyên tiếp nhận các thông tin khoa học, tham gia các lớp tập huấn kỹ thuật và sản xuất hiệu quả hơn những hộ khác.

Kết quả tại Bảng 7 cho thấy trong mô hình trồng lúa 2 vụ + cây màu và trồng cây màu hệ số biến *diện tích canh tác* có giá trị dương ở mức ý nghĩa 10%, có nghĩa là nông hộ ở hai mô hình này có diện tích sản xuất càng lớn thì thu nhập bình quân/người của nông hộ sẽ tăng. Hệ số hồi quy ( $B_{3,6}$ ) của biến số *diện tích canh tác* trong mô hình trồng màu là 2,876 và lớn hơn hệ số hồi quy của biến số *diện tích canh tác* trong hai mô hình lúa 3 vụ và lúa 2 vụ+cây màu ( $B_{1,6} = 0,791$  và  $B_{2,6} = 0,863$ ), cho thấy yếu tố *diện tích canh tác* đóng vai trò quan trọng ảnh hưởng đến thu nhập của nông hộ trồng màu. Nông hộ sử dụng thêm 0,1 ha diện tích sản xuất sẽ làm tăng thêm thu nhập là 2,876 triệu đồng/người ở mô hình trồng màu, 0,791 triệu đồng/người ở mô hình lúa 3 vụ và 0,863 triệu đồng/người ở mô hình 2 vụ lúa+cây màu khi các

điều kiện khác không đổi. Diện tích sản xuất là yếu tố quan trọng ảnh hưởng lên thu nhập của nông hộ ở cả ba mô hình. Kết quả này cũng phù hợp với các nghiên cứu trước của các tác giả khác.

Kết quả kiểm định mối quan hệ giữa thu nhập bình quân/người của nông hộ và các yếu tố ảnh hưởng đến thu nhập ở mô hình lúa 3 vụ cho thấy hệ số hồi quy của yếu tố *số người/hộ* có giá trị âm, hệ số hồi quy của hai yếu tố *diện tích canh tác*, *tham gia TCDP* có giá trị dương và đúng như kỳ vọng nghiên cứu. Hệ số hồi quy của yếu tố *chi phí sản xuất* có giá trị dương và nghịch chiều với kỳ vọng nghiên cứu. Kết quả kiểm định trong mô hình lúa 2 vụ+cây màu và trồng màu cho thấy hệ số hồi quy của yếu tố *diện tích canh tác* có giá trị dương và đúng như kỳ vọng nghiên cứu.

**Bảng 7: Các yếu tố ảnh hưởng đến thu nhập bình quân/ người**

Mô hình	Lúa 3 vụ <sup>1</sup>		Lúa 2 vụ+ màu <sup>2</sup>		Màu <sup>3</sup>	
Chỉ tiêu	Hệ số B <sub>1</sub>	Giá trị t	Hệ số B <sub>2</sub>	Giá trị t	Hệ số B <sub>3</sub>	Giá trị t
Hệ số a	21,453	2,53 <sup>***</sup>	4,533	0,48 <sup>ns</sup>	8,788	0,40 <sup>ns</sup>
Số người/hộ	-3,966	-4,41 <sup>***</sup>	-1,107	-1,23 <sup>ns</sup>	-5,371	-1,61 <sup>ns</sup>
Tuổi chủ hộ	-0,011	-0,09 <sup>ns</sup>	0,096	0,64 <sup>ns</sup>	0,114	0,34 <sup>ns</sup>
Học vấn chủ hộ	0,476	0,96 <sup>ns</sup>	0,305	0,99 <sup>ns</sup>	0,215	0,14 <sup>ns</sup>
Học vấn lao động	0,036	0,05 <sup>ns</sup>	0,514	0,64 <sup>ns</sup>	1,324	0,71 <sup>ns</sup>
Ngày lao động GD	-0,020	-0,37 <sup>ns</sup>	-0,060	-1,51 <sup>ns</sup>	0,021	1,11 <sup>ns</sup>
Diện tích canh tác	0,791	2,72 <sup>***</sup>	0,867	1,92 <sup>*</sup>	2,876	1,89 <sup>*</sup>
Chi phí sản xuất	0,174	1,67 <sup>*</sup>	0,080	0,77 <sup>ns</sup>	0,002	0,02 <sup>ns</sup>
Tham gia TCDP	7,483	2,68 <sup>***</sup>	1,418	0,37 <sup>ns</sup>	-0,070	-0,01 <sup>ns</sup>
Hỗ trợ sản xuất	-0,504	-0,17	-0,088	-0,03 <sup>ns</sup>	2,533	0,86 <sup>ns</sup>
Sig (Mô hình)	***		***		***	
R <sup>2</sup>	0,54		0,44		0,40	

(\*\*\*): ý nghĩa thống kê ở mức 1%; (\*): ý nghĩa thống kê ở mức 10%; (ns): không ý nghĩa thống kê

Hệ số B: hệ số hồi quy mẫu

Nguồn: Phân tích số liệu nông hộ điều tra tại Vĩnh Long năm 2013

#### 4 KẾT LUẬN

Kết quả phân tích hiệu quả tài chính của nông hộ trong ba mô hình sản xuất trên đất lúa tỉnh Vĩnh Long đã cho thấy lợi nhuận của nông hộ ở mô hình sản xuất lúa 3 vụ, lúa 2 vụ+cây màu và trồng màu là 52,277 triệu đồng; 56,299 triệu đồng; 133,027 triệu đồng trên 1 ha. Tỷ số lợi nhuận/chi phí của nông hộ trồng màu cao hơn nông hộ trồng lúa 3 vụ và lúa 2 vụ+ cây màu là 0,24 lần và 0,25 lần. Nông hộ trồng cây màu có doanh thu, chi phí sản xuất và lợi nhuận cao hơn các nông hộ trồng lúa 3 vụ và trồng lúa 2 vụ+cây màu. Lợi nhuận cao trong sản xuất trên 1 ha là yếu tố quan trọng đã kích thích nông hộ chuyển đổi sản xuất cây màu trên đất lúa, dù chi phí vốn đầu tư nhiều hơn và đối phó với rủi

ro về thị trường tiêu thụ sản phẩm. Nông hộ có diện tích sản xuất nhỏ đã chọn mô hình trồng cây màu để làm tăng thu nhập của nông hộ. Kết quả phân tích các yếu tố ảnh hưởng đến thu nhập bình quân người/hộ cho thấy các yếu tố tác động làm tăng thu nhập bình quân người/hộ là diện tích canh tác, chi phí đầu tư sản xuất, tham gia tổ chức địa phương. Số người trong hộ ảnh hưởng giảm thu nhập bình quân người/hộ.

#### TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Bùi Quang Bình. 2008. Vốn con người và thu nhập của hộ sản xuất cà phê ở Tây Nguyên. Tạp chí Khoa học và Công nghệ Trường Đại học Đà Nẵng, số 4 (27), trang 96-101, 2008.

2. Đinh Phi Hồ. 2003. Ảnh hưởng kiến thức nông nghiệp đối với nông dân sản xuất lúa ở An Giang. Đề tài cấp Bộ, Đại học Kinh tế TP HCM.
3. Đinh Phi Hồ. 2008. Kinh tế học nông nghiệp bền vững. NXB Phương Đông. 2008.
4. Hoàng Trọng và Chu Nguyễn Mộng Ngọc. 2008. Thống kê trong kinh tế xã hội. NXB Thống kê. 2008.
5. Huỳnh Trường Huy. 2007. Phân tích tác động của khoa học kỹ thuật đến hiệu quả sản lúa tại Cần Thơ và Sóc Trăng. Tạp chí khoa học Trường Đại học Cần Thơ, số 8, trang 47-56, 2007.
6. Jacob Mincer. 1993. Studies in human capital – Collected essays of Jacob Mincer, Vol 1. Edward Edgar Publishing Ltd. England.
7. Koos Neejes. 2003. Môi trường và sinh kế. (Người dịch: Nguyễn Văn Thanh). NXB Chính trị quốc gia, 2003.
8. Lê Văn Dũng và Nguyễn Quang Trường, 2011. Nghiên cứu các nhân tố ảnh hưởng đến đói nghèo của các nông hộ ở huyện Quảng Bình, tỉnh Quảng Bình. Tạp chí Khoa học Đại học Huế, số 68, trang 17-26.
9. Lê Xuân Thái. 2014. Phân tích hiệu quả tài chính của nông hộ trong một số mô hình sản xuất trên đất lúa tại tỉnh Vĩnh Long. Luận văn cao học Kinh tế Tài chính-Ngân Hàng. Khoa Kinh tế và Quản trị Kinh doanh. Trường Đại học Cần Thơ.
10. Mai Văn Nam và Âu Vi Đức. 2009. Hiệu quả sử dụng vốn vay của hộ nông dân nghèo. Tạp chí Quản lý kinh tế, số 26, trang 21-31.
11. Mai Văn Nam và Đinh Công Thành. 2011. Kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của các làng nghề ở tỉnh Bạc Liêu. Tạp chí Khoa học Trường Đại học Cần Thơ, số 18a, trang 298-306, 2011.
12. Nguyễn Quốc Nghi. 2011. Khả năng tiếp cận nguồn vốn chính thức của hộ nghèo. Tạp chí Ngân hàng, số 7, 2011.
13. Nguyễn Quốc Nghi và Bùi Văn Trịnh. 2011. Yếu tố ảnh hưởng đến thu nhập của người dân tộc thiểu số ở ĐBSCL. Tạp chí Khoa học Trường Đại học Cần Thơ số 18a, trang 240-250, 2011.
14. Nguyễn Quốc Nghi, Trần Quế Anh và Bùi Văn Trịnh. 2011. Các nhân tố ảnh hưởng đến thu nhập của hộ gia đình ở khu vực nông thôn huyện Trà Ôn, tỉnh Vĩnh Long. Tạp chí Khoa học kinh tế số 5 (23), trang 30-36, 2011.
15. Nguyễn Việt Anh, Trần Thị Thu Thủy và Nguyễn Xuân Khoát. 2010. Những nhân tố ảnh hưởng đến thu nhập hộ nông dân có vốn vay ở huyện Quảng Trạch tỉnh Quảng Bình. Tạp chí Khoa học Đại học Huế, số 62, 2010.
16. Trương Đông Lộc và Đặng Thị Thảo, 2011. Ảnh hưởng của tín dụng nhỏ đến thu nhập của nông hộ ở tỉnh Hậu Giang. Tạp chí Khoa học và đào tạo Ngân hàng, số 11, trang 20-23.
17. Ủy ban nhân dân tỉnh Vĩnh Long. 2012. Báo cáo tình hình thực hiện kế hoạch phát triển kinh tế xã hội, quốc phòng, an ninh năm 2011, kế hoạch năm 2012.